

TRẦN KIỀU - TRẦN ĐÌNH CHÂU (Đồng chủ biên)
ĐẶNG XUÂN CƯƠNG - PHAN DÂN - ĐÀM THỊ NHỰY
QUÁCH THỊ TÚ PHƯƠNG - ĐẶNG THỊ THU THUY

BỘ CÂU HỎI TOÁN 7

(Sử dụng cho các đề kiểm tra trong năm)

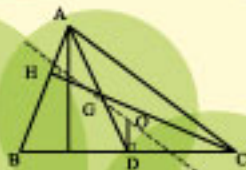
DÀNH CHO THẦY CÔ GIÁO, HỌC SINH

7

CÂU HỎI, BÀI TẬP THEO TỪNG CHƯƠNG



$$a^2 + b^2 = c^2$$



ĐỂ KIỂM TRA 15 PHÚT, 1 TIẾT, HỌC KÌ



BẢN ĐỒ TƯ DUY ÔN TẬP CHƯƠNG, HỌC KÌ



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TRẦN KIỀU - TRẦN ĐÌNH CHÂU (Đồng chủ biên)
ĐẶNG XUÂN CƯƠNG - PHAN DÂN - ĐÀM THỊ NHUY
QUÁCH THỊ TÚ PHƯƠNG - ĐẶNG THỊ THU THỦY

BỘ CÂU HỎI TOÁN 7

(Sử dụng cho các đề kiểm tra trong năm)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Lời nói đầu

Các bài kiểm tra là công cụ được sử dụng phổ biến nhất trong đánh giá kết quả học tập của học sinh hiện nay. Để có bài kiểm tra tốt cần có những câu hỏi tốt. Các câu hỏi kết nối thành một hệ thống câu hỏi kiểm tra. Các câu hỏi tốt hỗ trợ giáo viên dạy học, hỗ trợ học sinh học tập và tự đánh giá kiến thức của mình. Để giúp các em học sinh THCS có thêm cơ hội luyện tập và tự kiểm tra kiến thức; giúp các thầy cô giáo và các bậc cha mẹ học sinh có thêm tài liệu hướng dẫn học sinh và con em mình học tập, chúng tôi biên soạn bộ sách **Bộ câu hỏi Toán THCS**.

Nhóm tác giả biên soạn bộ sách **Bộ câu hỏi Toán THCS** là những chuyên gia về đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh. Bộ sách gồm 4 cuốn dành cho bốn lớp 6, 7, 8, 9; nội dung từng cuốn sách gồm hệ thống câu hỏi chọn lọc được sắp xếp theo từng chương của các phần *Số học*, *Đại số*, *Hình học* của chương trình môn Toán lớp 6, 7, 8, 9. Đặc biệt trong cuốn sách này còn có các bản đồ tư duy tóm tắt toàn bộ kiến thức đã học của chương và của từng học kì, giúp học sinh tự ôn tập kiến thức để chuẩn bị tốt cho các bài kiểm tra 15 phút, 45 phút cũng như các bài kiểm tra cuối học kì.

Cuốn sách chắc không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Rất mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp để sách được hoàn thiện hơn trong những lần tái bản sau.

CÁC TÁC GIẢ

CAU HỎI

A. ĐẠI SỐ

Chương I. SỐ HỮU TỈ. SỐ THỰC

Câu 1. Chọn câu trả lời đúng.

Với $a, b \in \mathbb{Z}$ thì số sau là số hữu tỉ :

A. $\frac{a}{2b-1}$;

B. $\frac{a}{b+2}$;

C. $\frac{a+b}{a+b}$;

D. Cả ba khẳng định trên đều sai.

Câu 2. Điền các kí hiệu \in, \notin, \subset thích hợp vào chỗ trống (...)

a) $-3 \dots \mathbb{N}$;

b) $\left\{ \frac{5}{2} \right\} \dots \mathbb{Q}$;

c) $10 \dots \mathbb{Q}$;

d) $0,3 \dots \mathbb{Q}$.

Câu 3. Chọn câu trả lời đúng.

Kết quả phép tính : $\frac{2}{3} + \frac{1}{3} \cdot \left(-\frac{4}{7}\right)$ là :

A. $-\frac{4}{7}$;

B. $\frac{4}{21}$;

C. $\frac{10}{21}$;

D. $\frac{18}{21}$.

Câu 4. Chọn câu trả lời đúng.

Giá trị của x trong phép tính $x \cdot \frac{2}{3} = -\frac{1}{2} + \frac{2}{3}$ là :

A. $-\frac{1}{2}$;

B. $\frac{7}{4}$;

C. 4 ;

D. 0,25.

Câu 5. Thực hiện phép tính

a) $0,3 - \frac{1}{4} + \frac{3}{7} \cdot \frac{-14}{15}$;

b) $\frac{57}{133} - \frac{9}{42} - \frac{4}{39} : \frac{-14}{65}$;

$$\text{c) } 0,2 - \frac{5}{3} - \frac{2}{7} \cdot 1,5 + 1,25 \cdot \frac{-4}{25}; \quad \text{d) } \left(\frac{3}{14} - \frac{-2}{21} \right) \cdot \frac{3}{13} - \frac{1}{13}.$$

Câu 6. Thực hiện phép tính

$$\text{a) } \left(\frac{7}{12} - 3\frac{2}{9} + \frac{3}{20} \right) \cdot \left(\frac{3}{8} + 2\frac{5}{6} \right) \cdot \left(\frac{1}{3} - \frac{1}{4} - \frac{1}{12} \right);$$

$$\text{b) } \left(37\frac{2}{3} - 35\frac{3}{4} - \frac{5}{18} \right) : \left(\frac{2}{9} - \frac{1}{4} \right);$$

$$\text{c) } -2\frac{3}{7} \cdot \frac{5}{6} + 3\frac{4}{7} \cdot \frac{-5}{6} + \frac{36}{7} \left(\frac{2}{9} - \frac{3}{12} \right).$$

Câu 7. Biểu diễn các số hữu tỉ sau trên trục số : $-\frac{12}{5}$; $\frac{29}{6}$; $\frac{375}{625}$.

Câu 8. Biểu diễn các số hữu tỉ sau trên trục số :

$$-1,5; -\frac{6}{4}; 0,25; -\frac{12}{8}; \frac{3}{12}; \frac{100}{400}.$$

Câu 9. Chọn câu trả lời đúng.

Bốn số sau : $-1,25$; $-\frac{15}{12}$; $\frac{-125}{100}$; $\frac{65}{-42}$ được biểu diễn bởi :

- A. Bốn điểm trên trục số ; B. 12 điểm trên trục số ;
C. Hai điểm trên trục số ; D. Một điểm trên trục số.

Câu 10. Chọn câu trả lời đúng.

Dãy số nào biểu diễn cùng một số hữu tỉ :

- A. 0,15 ; 0,30 ; 0,45 ; B. $-6,25$; $\frac{75}{-12}$; $-6\frac{7}{28}$;
C. $-0,2$; $\frac{1}{5}$; $\frac{-20}{100}$; D. 3 ; $\frac{3}{-1}$; $\frac{12}{4}$.

Câu 11. Viết 5 số cùng biểu diễn cho số hữu tỉ :

$$\text{a) } 0; \quad \text{b) } \frac{-21}{33}.$$

Câu 12. Các số sau biểu diễn cho mấy số hữu tỉ ? là những số nào ?

$$0,36; -\frac{12}{18}; \frac{27}{75}; \frac{-38}{57}; \frac{9}{-25}; \frac{4}{-6}.$$

Câu 13. Điền dấu > ; < hoặc = vào chỗ trống (....)

a) $\frac{7}{-13} \dots\dots\dots \frac{-6}{11}$;

b) $\frac{-14}{21} \dots\dots\dots \frac{26}{-39}$;

c) $\frac{-116}{23} \dots\dots\dots \frac{-103}{27}$;

d) $-5 \dots\dots\dots \frac{1}{5}$.

Câu 14. Chọn đáp án đúng.

A. $(-2,5)^4 < (-2,5)^5$;

B. $\left(\frac{1}{3}\right)^{12} > \left(\frac{1}{3}\right)^{10}$;

C. $\frac{-37}{41} > \frac{23}{-17}$;

D. $(2,5)^6 = (0,5)^{12}$.

Câu 15. Sắp xếp các số hữu tỉ sau theo thứ tự lớn dần :

$$\frac{15}{13} ; \frac{-17}{11} ; \frac{7}{11} ; \frac{-5}{13} ; \frac{27}{-65} ; \frac{-13}{-17} ; \frac{-29}{12} ; 0,625.$$

Câu 16. So sánh các cặp số sau :

a) $\frac{-13}{17}$ và $\frac{29}{-61}$;

b) $\frac{-11}{13}$ và $\frac{-13137}{15157}$;

c) $\frac{-19}{60}$ và $-\frac{17}{44}$.

Câu 17. Chọn đáp án đúng.

Trong tỉ lệ thức $0,25 : (-3x) = \frac{-3}{8} : 0,25$,

giá trị x bằng :

A. $\frac{1}{8}$;

B. 8 ;

C. $\frac{1}{18}$;

D. $\frac{9}{2}$.

Câu 18. Chọn đáp án đúng.

Có thể lập được tỉ lệ thức từ các số :

A. $-0,3 ; \frac{15}{7} ; \frac{5}{2} ; 2,8$;

B. 1,2 ; 2,4 ; 3,6 ; 4,8 ;

C. $-3 ; (-3)^2 ; (-3)^4 ; (-3)^6$;

D. $\frac{-28}{15} ; 4 ; -3 ; 1,4$.

Câu 19. Chọn đáp án đúng.

Từ tỉ lệ thức $\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$ ta có thể suy ra tỉ lệ thức nào trong các đáp án sau :

A. $\frac{a}{c} = \frac{d}{b}$;

B. $\frac{a+2c}{b+2d} = \frac{2a-c}{2b-d}$;

C. $\frac{a}{b} = \frac{c}{d} = \frac{a^2+c^2}{b^2+d^2}$;

D. $\frac{a+5}{b+5} = \frac{c+5}{d+5}$.

Câu 20. Tìm x, y biết :

a) $5 : x = (-7) : y$ và $2x + 3y = -22$; b) $\frac{3-x}{5} = \frac{y+4}{8}$ và $x - y = -6$;

c) $3 : x = 4 : y$ và $x^2 - y^2 = -0,28$.

Câu 21. Tìm x, y, z biết : $6x = 10y = 4z$ và $x + 2y - 3z = 2,3$.

Câu 22. Chọn đáp án đúng.

Trong các số sau, số viết được dưới dạng số thập phân hữu hạn là :

A. $-1,34(3)$;

B. $\frac{-15}{48}$;

C. $\frac{5}{12}$;

D. Không có số nào.

Câu 23. Trong các số sau $-\frac{133}{19}$; $\frac{3}{14}$; $\frac{9}{150}$; $\frac{5}{6}$; $\frac{-21}{56}$; $\frac{9}{54}$; $\frac{21}{75}$

có bao nhiêu số được viết dưới dạng số thập phân hữu hạn ?

A. 3 số ;

B. 4 số ;

C. 5 số ;

D. 6 số.

Câu 24. Điền dấu x vào ô thích hợp.

Câu	Đúng	Sai
$\frac{3}{14}$ viết được dưới dạng số thập phân vô hạn tuần hoàn		
Hai số $1,(56)$ và $1,5(65)$ không bằng nhau		
Số $1,(4)$ viết được dưới dạng phân số là $\frac{13}{9}$		
Số $\frac{1}{99}$ viết được dưới dạng thập phân là $0,(01)$		
$-1,(32) < -\frac{4}{3}$		

Câu 25. Dân số tỉnh A là 3 496 570 người. Làm tròn đến hàng triệu cho kết quả là :

- A. 4 000 000 người ;
B. 3,5 triệu người ;
C. 3 000 000 người ;
D. Một kết quả khác.

Câu 26. 1 in = 2,54cm.

Độ dài đường chéo ti vi rộng 12 in làm tròn đến cm là

- A. 31cm ;
B. 30,5cm ;
C. 30,48cm ;
D. 30cm.

Câu 27. Một số tự nhiên làm tròn đến hàng ngàn có kết quả là 3000. Số đó

- a) lớn nhất là
b) nhỏ nhất là

Câu 28. Thực hiện phép tính rồi làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất :

- a) $\frac{5,123+1,81}{7,78-3,147}$;
b) $\frac{0,127 \cdot 2,83}{0,7823+0,149}$.

Câu 29. Thực hiện phép tính $-5,13 : \frac{7}{3}$ và lấy kết quả làm tròn đến

- a) hàng đơn vị ta được
b) chữ số thập phân thứ nhất ta được

Câu 30. Chọn đáp án đúng.

Trong các số 0,1010010001..... ; -2,23353535..... ; $\frac{9}{7}$ và 0,123456.... có :

- A. 1 số vô tỉ ;
B. 2 số vô tỉ ;
C. 3 số vô tỉ ;
D. 4 số vô tỉ.

Câu 31. Điền kí hiệu \in , \notin vào chỗ chấm :

- a) 1,36363636 I ;
b) -1,1211211121112 I
c) 3,12 Q ;
d) 0 I ;
e) 0,(37) Q.

Câu 32. Chọn đáp án đúng.

$\sqrt{36}$ có kết quả là :

- A. 18 ;
B. -18 ;
C. ± 6 ;
D. 6.

Câu 33. Điền dấu x vào ô thích hợp :

Khẳng định	Đúng	Sai
$\sqrt{0,9} = 0,3$		

$\sqrt{\frac{9}{25}} = 0,6$		
$\sqrt{(-7)^2} = -7$		
$\frac{x}{4} = \frac{9}{x}$ khi đó $x = 6$		

Câu 34. Điền vào chỗ trống (...):

- a) Số $\frac{-5}{8}$ viết được dưới dạng số thập phân là
- b) Số $\frac{-3}{7}$ viết được dưới dạng số thập phân là
- c) Số 2,31 được viết dưới dạng phân số là
- d) Số 1,(15) được viết dưới dạng phân số là

Câu 35. Điền dấu < ; > hay = vào ô trống:

- a) $\frac{1}{3}$ 0,(32);
- b) $-1,121314$ $-\frac{10}{9}$;
- c) $1,2(32)$ $1,(23)$.

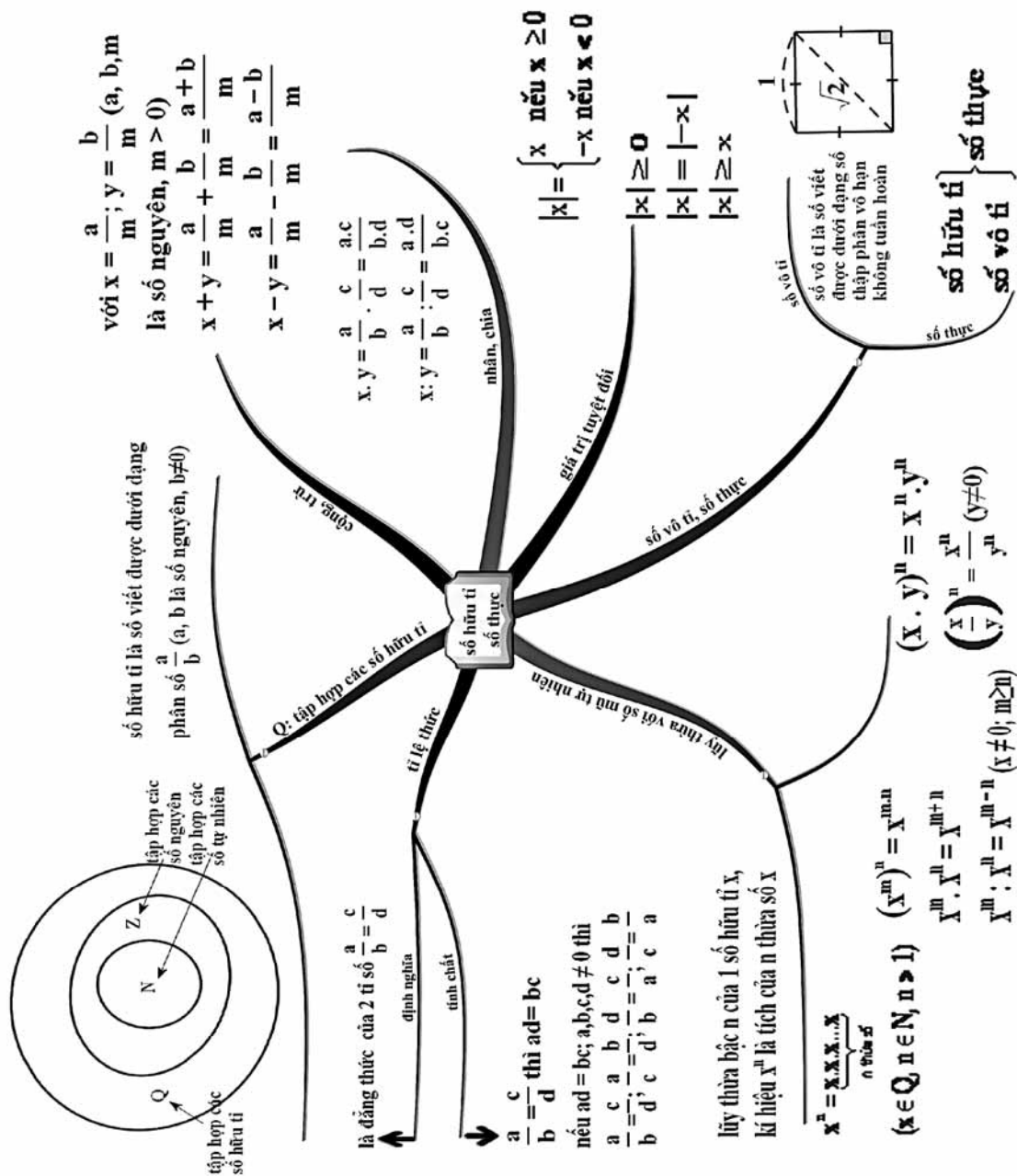
Câu 36. Điền dấu < ; > hay = vào chỗ trống:

- a) $\sqrt{2}$ $1,(14)$;
- b) $-\frac{10}{3}$ $-\sqrt{10}$;
- c) $\sqrt{6} : \sqrt{14}$ $\sqrt{\frac{3}{7}}$.

Câu 37. Điền vào kết quả phép tính (làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất):

- a) $\sqrt{2} - 3\sqrt{5} = \dots$;
- b) $\frac{\sqrt{12} - \sqrt{5} \cdot \sqrt{2}}{1,(26)} = \dots$

Ôn tập chương I bằng Bản đồ tư duy



CÁC ĐỀ KIỂM TRA

ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT – ĐỀ SỐ 1

Câu 1. Các nhận xét sau đúng hay sai ?

Nhận xét	Đúng	Sai	Nhận xét	Đúng	Sai
$0 \in \mathbf{N}$			$\frac{-9}{3} \in \mathbf{N}$		
$0 \in \mathbf{Q}$			$\frac{-12}{3} \in \mathbf{Q}$		
$\frac{-2}{3} \in \mathbf{Z}$			$1,2 \in \mathbf{Z}$		
$\frac{-2}{3} \in \mathbf{Q}$			$0,1 \in \mathbf{Q}$		
$\frac{-6}{3} \in \mathbf{Z}$			$\mathbf{Z} \subset \mathbf{Q}$		

Câu 2. Tính :

a) $\frac{1}{2} - \frac{3}{4} \cdot \frac{12}{-13}$;

b) $\left(\frac{1}{4} - \frac{2}{3}\right) : \left(1\frac{1}{3} + \frac{-4}{5}\right) - \left(\frac{2}{3}\right)^{10} \cdot \left(\frac{2}{3}\right)^{18} : \left(\frac{-2}{3}\right)^{26}$.

Câu 3. Tìm x biết :

a) $\frac{2}{3}x - \frac{4}{5} = \frac{1}{3} - \frac{1}{5}$;

b) $(1,44 - 0,2x) \cdot 1,2 = 3,6$.

Câu 4. So sánh A với 1 biết rằng: $A = \frac{2}{1.3} + \frac{2}{3.5} + \frac{2}{5.7} + \dots + \frac{2}{35.37}$.

ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT – ĐỀ SỐ 2

Câu 1. Các nhận xét sau đúng hay sai ?

Nhận xét	Đúng	Sai	Nhận xét	Đúng	Sai
$-1 \in \mathbf{N}$			$\frac{-9}{-1} \in \mathbf{N}$		
$0 \in \mathbf{Q}$			$\frac{-12}{31} \in \mathbf{Q}$		